

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Sinh.

2. Ông Bùi Văn Khiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tạ Thị Ngọc A**, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 16, phường Ng, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Quyết Ch**, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường Ng, thành phố B, tỉnh B1. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Quyết Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 06/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên giữa hai vợ chồng đã nhiều lần đánh, chửi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm hay

có trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Đặng Quyết Ch.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Ch có 02 con chung là cháu Đặng Thu Ph, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Khánh L sinh ngày 05/7/2020, hiện nay các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, vì con chung Đặng Khánh L chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ và cháu Đặng Thu Ph đã ở với bố từ khi anh chị sống ly thân nên chị đề nghị mỗi người nuôi một con và không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, cụ thể: Chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Khánh L và anh Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Thu Ph cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh Ch không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn trình bày:*

Anh không nhất trí việc chị Tạ Thị Ngọc A đơn phương xin ly hôn với anh. Vì vợ chồng không có mâu thuẫn và các con còn nhỏ.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tạ Thị Ngọc A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đặng Quyết Ch, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường Ng, thành phố B, tỉnh B1; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tạ Thị Ngọc A và anh Đặng Quyết Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 06/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố B, tỉnh B1 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị A cho rằng vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên **giữa hai vợ chồng đã nhiều lần đánh, chửi nhau**, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian ly thân không hàn gắn được tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Đặng Quyết Ch.

Anh Ch cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Nay chị A xin ly hôn anh không nhất trí vì vợ chồng không có mâu thuẫn và các con còn nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để trình bày quan điểm cụ thể của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh Ch không còn quan tâm đến việc hôn nhân của vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Ch. Kết quả xác minh cho thấy giữa chị A và anh Ch không thể chung sống hạnh phúc được.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn với anh Ch.

* *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị A và anh Ch có 02 con chung là cháu Đặng Thu Ph, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 05/7/2020, hiện nay các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị A đề nghị được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Khánh L và anh Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Thu Ph cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Ch không có quan điểm.

Xét thấy, chị A và anh Ch đều có điều kiện nuôi con. Hiện nay, cháu Ph đã tự chủ phần nào trong cuộc sống sinh hoạt cá nhân và đã sống cùng bố từ khi bố mẹ sống ly thân, cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và chia sẻ trách nhiệm cho mỗi bên trong việc nuôi con cũng như để các con được chăm sóc, phát triển một cách tốt nhất mà không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định hiện tại của

các cháu. Do đó, yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Ánh khi ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị A không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ch không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Chị A và anh Ch không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc A.

Chị Tạ Thị Ngọc A được ly hôn với anh Đặng Quyết Ch.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Thu Ph, sinh ngày 05/9/2015 cho anh Đặng Quyết Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con chung Đặng Khánh L, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Tạ Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh **Đặng Quyết Ch và Tạ Thị Ngọc A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tạ Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Tạ Thị Ngọc A và anh Đặng Quyết Ch không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về vay nợ chung: Chị Tạ Thị Ngọc A và anh Đặng Quyết Ch không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 0002010 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Nguyễn Thị Minh Khai,
Tp. Bắc Kan (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương